

Khảo sát sự tham gia của hộ nghèo trong chuỗi giá trị ngành chè ở Thái Nguyên

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO
ĐỖ THUY NINH

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay tác động không nhỏ tới sản xuất và cuộc sống của dân nghèo. Bên cạnh đó, chuỗi giá trị ngành chè đã trở thành yếu tố không thể thiếu trong hệ thống sản xuất chè toàn cầu, làm nảy sinh những cơ hội và khó khăn tiềm năng đối với người nghèo. Khó khăn lớn nhất đối với hộ nghèo là sẽ bị bỏ rơi bởi sự phát triển của chính chuỗi giá trị này. Mặt khác, sự tham gia của các hộ nghèo có thể sẽ tạo ra cơ hội để cải thiện lâu bền cuộc sống của mình. Vì thế, khảo sát sự tham gia của hộ nghèo trong chuỗi giá trị ngành chè ở Thái Nguyên là cần thiết để có cái nhìn rõ hơn về vấn đề này.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giá đầu vào của sản xuất chè tăng cao và không ổn định làm nảy sinh một nhu cầu cấp bách là phải tìm ra cách làm tăng giá trị cho sản phẩm chè, cho người sản xuất chè. Thái Nguyên là tỉnh có lợi thế so sánh về sản xuất chè; tuy sản xuất chè đã phát triển mạnh ở địa phương song ngành chè vẫn bị kiểm soát, hiệu quả kinh tế của sản xuất chè không cao, xuất khẩu chè vẫn không có ảnh hưởng lớn tới giá chè khu vực và giá chè thế giới. Hơn nữa, sản xuất chè là một phần trong chuỗi giá trị có tiềm năng lớn trong việc giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân. Vì thế, phát triển cây chè tại Thái Nguyên có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận chuỗi giá trị trong nghiên cứu này trước hết là tìm hiểu các thành phần tham gia một cách độc lập, đó là các nhà xuất khẩu lớn và sau đó tìm ra các mối liên kết - bao gồm tư thương, nhà chế biến, nhà sản xuất và người làm thuê. Do chú ý quan tâm tới những mối liên hệ giữa người

nghèo với các tác nhân tham gia chuỗi giá trị nên nghiên cứu tập trung vào những người trồng chè nghèo và các mối liên kết mà người nghèo tham gia. Nghiên cứu tập trung vào các liên kết: nông dân tham gia hợp tác xã, nông dân có hợp đồng (theo cá nhân hoặc nhóm hộ) và “công nhân nông trường” (công ty cấp đất cho những nông dân này và ký hợp đồng làm việc trên đất thuộc sở hữu của công ty).

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu thông qua điều tra phỏng vấn trực tiếp với nhiều thành phần tham gia vào chuỗi giá trị như: nhà xuất khẩu, người thu gom và tư thương ở nhiều cấp độ khác nhau, các nhà chế biến, người bán lẻ, người tiêu dùng, các nhà sản xuất và người làm thuê chế biến và hái chè. Nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn trực tiếp 300 hộ sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thông qua bảng hỏi được lập sẵn. Nghiên cứu đã sử dụng các công cụ sau: các cuộc phỏng vấn nhóm, phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (PRA) và phỏng vấn sâu bằng phiếu điều tra.

Nguyễn Thị Phương Hảo, Đỗ Thùy Ninh, Trường đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tổng quan ngành chè Thái Nguyên

Cây chè đã có từ lâu đời tại tỉnh, nhưng thực sự phát triển mạnh vào những năm 1960 của thế kỷ XX khi Nhà nước chú trọng đầu tư thành những vùng chè tập trung với quy mô lớn. Đặc biệt từ năm 2000, tỉnh

Thái Nguyên đầu tư phát triển cây chè một cách đồng bộ về khoa học kỹ thuật, vật chất và con người. Thông qua việc ban hành nhiều chính sách phát triển cây chè, thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất, chế biến nên năng suất, sản lượng chè của tỉnh không ngừng tăng lên.

BẢNG 1: Tình hình sản xuất chè tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2000 - 2013

Năm	Diện tích trồng chè (ha)	Diện tích thu hoạch chè (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng chè búp tươi (tấn)	Sản lượng chè khô (tấn)
2000	46	11.016	64,21	70.731	17.682,8
2005	15.931	13.737	80,54	110.636	27.659,0
2006	16.366	14.688	88,45	129.913	32.478,3
2007	16.726	15.118	92,73	140.182	35.045,5
2008	16.994	15.730	94,89	149.255	37.313,8
2009	17.309	16.053	98,86	158.702	39.675,5
2010	17.661	16.289	105,5	171.900	42.975
2011	18.138	16.648	108,7	181.024	45.256
2012	18.605	16.968	108,96	184.886	46.216,5

Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Tình hình sản xuất chè của các nhóm hộ điều tra

Diện tích, năng suất của các nhóm hộ

BẢNG 2: Tình hình sản xuất chè của hộ theo mức thu nhập (tính bình quân/hộ)

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ khá	Hộ TB	Hộ nghèo
1. Diện tích đất chè (**)	Sào	9,63	5,96	3,25
2. Năng suất chè(*)	Tạ/sào	1,44	1,09	0,98
3. Sản lượng chè (***)	Tạ	13,87	6,49	3,19

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ năm 2012.

*Ghi chú: Kiểm định t- test sự khác nhau giữa trung bình của các tổ hộ khá, hộ trung bình và hộ nghèo. Cụ thể: * độ tin cậy đạt 90%, ** độ tin cậy đạt 95%.*

Diện tích giữa các nhóm hộ khá, trung bình và nghèo có sự chênh lệch lớn. Hộ khá có diện tích trồng chè bình quân 9,63 sào, gấp 1.61 lần hộ trung bình và gấp 2,96 lần hộ nghèo. Diện tích trồng chè bình quân của hộ nghèo chỉ ở mức 3,25 sào.

Năng suất của các nhóm hộ cũng có sự khác nhau. Nhóm hộ nghèo năng suất 0,98 tạ/sào. Mức năng suất và sản lượng của hộ khá vẫn cao hơn nhiều so với các hộ trung bình và các hộ nghèo.

Kết quả sản xuất chè của các nhóm hộ

BẢNG 3: Kết quả sản xuất chè của hộ theo mức thu nhập
(tính bình quân/hộ)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Hộ khá	Hộ trung bình	Hộ nghèo	Bình quân	So sánh (%)	
					Khá/trung bình (lần)	Khá/ngheo (lần)
1. Giá trị sản xuất (GO)***	76.854	34.552	14.830	41.071	2,22	5,18
2. Tổng chi phí sản xuất (TC)**	34.766	13.810	7.112	17.869	2,52	4,89
3. Chi phí trung gian (IC)**	30.635	12.405	6.462	15.905	2,47	4,74
4. Giá trị gia tăng (VA)**	46.219	22.147	8.368	25.167	2,09	5,52
5. Thu nhập hỗn hợp (MI)**	42.088	20.742	7.718	23.202	2,03	5,45

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ năm 2012.

*Ghi chú: Kiểm định t- test sự khác nhau giữa trung bình của các tổ hộ khá, hộ trung bình và hộ nghèo. Cụ thể: * độ tin cậy đạt 90%, ** độ tin cậy đạt 95%, *** độ tin cậy đạt 99%.*

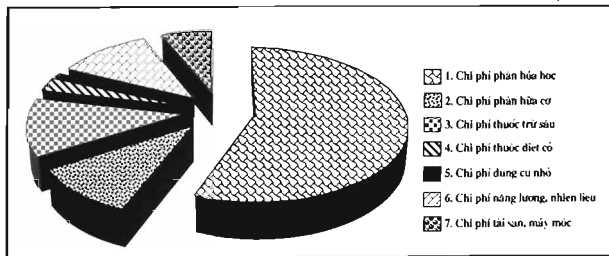
Trong quá trình sản xuất, việc đầu tư vào sản xuất chè quyết định rất lớn đến năng suất và sản lượng các loại sản phẩm chè của hộ nông dân. Với điều kiện kinh tế lớn hơn rất nhiều so với hộ nghèo nên phần lớn các hộ khá thuộc nhóm hộ chuyên chè có kết quả sản xuất chè lớn hơn rất nhiều so với hộ nghèo. Trái lại, đối với hộ nghèo với thu nhập chủ yếu từ trồng trọt do mức đầu tư về sản xuất chè tương đối thấp và chủ yếu diện tích là trồng chè trung du cho năng suất thấp. Đồng thời các hộ khá thì chủ yếu là sản xuất các loại chè đã qua chế

biến do nhóm hộ này có điều kiện mua các loại máy hiện đại để sản xuất chè, còn hộ nghèo do điều kiện kinh tế khó khăn nên lượng chè tiêu thụ thường là chè búp tươi cho kết quả sản xuất thấp hơn nhiều. Giá trị sản xuất và thu nhập hỗn hợp của cây chè ở nhóm hộ có mức thu nhập khá cao hơn hẳn so với các hộ thuộc nhóm hộ có mức thu nhập trung bình và nghèo. Điều này là do hộ khá có điều kiện đầu tư về sản xuất chè ở tất cả các khâu hiệu quả hơn so với hai loại hộ còn lại.

Chi phí sản xuất chè của hộ nghèo

HÌNH 1: Chi phí trung gian trong sản xuất chè của hộ nghèo

Đơn vị tính: %

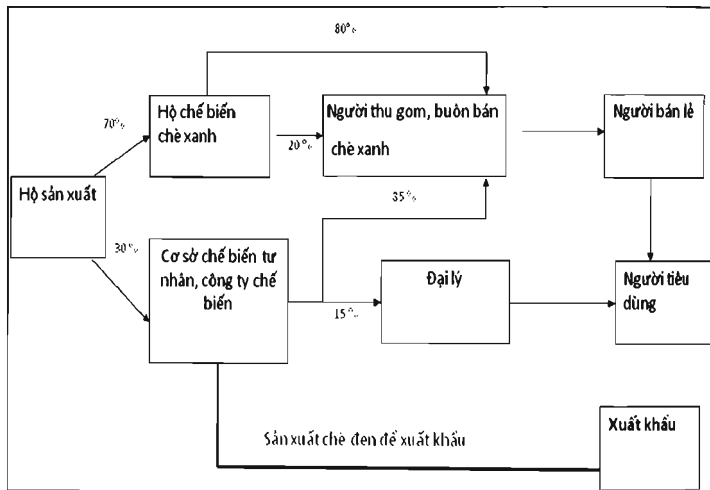


3.3. Chuỗi giá trị ngành chè ở Thái Nguyên

Chuỗi giá trị của ngành chè là một chuỗi giá trị phức tạp. Một mặt nó liên quan tới ba hoạt động chính là sản xuất chè lá, chế biến và bán chè khô; tham gia vào mỗi quá trình lại gồm nhiều thành phần khác được phân biệt chủ yếu qua quy mô và loại hình sở hữu. Chuỗi giá trị chè khá phức tạp với sự tham

gia và tương tác giữa nhiều tác nhân như người sản xuất, người thu gom/thương nhân chè tươi, người chế biến, người xuất khẩu, thương nhân chè khô, người bán lẻ và người tiêu dùng. Chẳng hạn như người sản xuất gồm 4 dạng: nông dân không liên kết, nông dân hợp đồng, công nhân nông trường và nông dân hợp tác xã.

HÌNH 2: Chuỗi giá trị chè xanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên



3.3. Ảnh hưởng của việc tham gia vào chuỗi giá trị của chè

Xem xét ảnh hưởng của việc trồng chè đối với công nhân nông trường, nông dân hợp đồng và nông dân hợp tác với nông dân không liên kết. Trong số 4 loại hình này, công nhân nông trường và nông dân hợp đồng có đời sống khá hơn cả. Đối nghèo tập trung vào những nông dân không liên kết và cả những nông dân thuộc hợp tác xã.

Những yếu tố quyết định và ảnh hưởng của việc tham gia chuỗi giá trị đối với các

thành phần là khác nhau. Không dễ cho nhiều nông dân trở thành công nhân nông trường. Tuy nhiên, người nghèo có thể tham gia vào các liên kết khác dễ dàng (như nông dân hợp đồng và/hoặc thành viên của hợp tác xã). Hơn nữa, các thị trường cạnh tranh chủ yếu có lợi cho những hộ không liên kết giàu có hơn hay nông dân có hợp đồng và nông dân hợp tác xã, song không có mấy khác biệt giữa hộ giàu và hộ nghèo về ảnh hưởng tích cực và tiêu cực khi tham gia chuỗi giá trị.

BẢNG 4: Ảnh hưởng tích cực của việc tham gia chuỗi giá trị chè

Loại	Cộng nhân nông trường	Nông dân hợp đồng	Nông dân hợp tác xã	Nông dân không liên kết
<i>Tích cực</i>				
Kinh tế	- Thu mua ổn định - Giá đầu ra ổn định - Được phân đất tốt hơn do có năng suất cao hơn - Sử dụng phân bón loại đặc biệt cho năng suất cao	- Thu mua ổn định - Giá đầu ra ổn định - Sử dụng phân bón loại đặc biệt cho năng suất cao	- Bán ra thị trường tự do nếu có sản lượng lớn hơn - Tự do trồng chè trong mùa khô - Giá bán của HTX cao - Tự do chế biến chè xanh - Kiểm soát chất lượng dễ hơn - Tỷ lệ trừ nước thấp - Chia lãi	- Có sản lượng lớn hơn - Tự do trồng chè trong mùa khô - Giá bán của HTX cao - Tự do chế biến chè xanh - Kiểm soát chất lượng dễ hơn - Tỷ lệ trừ nước thấp
Tài sản	- Dùng kết quả đầu tư cho thuê lợi và khai hoang đất từ trước - Vật tư trả sau	- Vật tư trả sau	- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có thể vay vốn dễ dàng - Vật tư trả sau - Có thể mượn vốn của hợp tác xã	- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có thể vay vốn dễ dàng
Ảnh hưởng về mặt xã hội	- Lương hưu - Bảo hiểm y tế - Nghi lễ và thăm quan du lịch - Trợ cấp khi thiên tai - Thường cho phần dôi ra - Hội hợp thường xuyên	- Thăm quan du lịch - Thường cho phần dôi ra - Trợ cấp khi thiên tai - Hội hợp thường xuyên		
Tiếp thu công nghệ và thông tin thị trường	- Đào tạo kỹ thuật thường xuyên	- Đào tạo kỹ thuật miễn phí thường xuyên	- Tập huấn kỹ thuật IPM do các đơn vị khuyến nông và các tổ chức quốc tế tài trợ - Dễ thu thập thông tin thị trường	- Được các đơn vị khuyến nông tập huấn kỹ thuật
Cơ sở hạ tầng	- Hệ thống giao thông tốt hơn - Có nhà kho - Có vườn ươm			
Môi trường			- Sử dụng thuốc trừ sâu ít và ít có hại cho sức khỏe	

BẢNG 5: Ảnh hưởng tiêu cực của việc tham gia chuỗi giá trị chè

Loại	Công nhân nông trường	Nông dân hợp đồng	Nông dân hợp tác xã	Nông dân không liên kết
Tiêu cực				
Kinh tế	- Giá thu mua thấp - Hạn chế tiếp cận thị trường tự do - Hạn chế trong sản xuất chè xanh mùa khô - Tỷ lệ trừ nước cao - Kiểm soát chất lượng chặt - Trả phí bảo hiểm y tế và xã hội	- Giá thu mua thấp - Tỷ lệ trừ nước cao - Kiểm soát chất lượng chặt - Hạn chế tiếp cận thị trường tự do - Hạn chế trong sản xuất chè xanh khô - Hạn chế sản xuất chè trong mùa khô	- Đầu ra và giá đầu ra không ổn định - Thanh toán chậm - Năng suất thấp khi bắt đầu sản xuất chè hữu cơ và chè sạch	- Đầu ra và giá đầu ra không ổn định - Chỉ được các đơn vị kinh doanh tư nhân ứng trước vật tư khi tín dụng
Tài sản	- Khó vay vốn vì không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	- Khó vay vốn vì không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp Công ty chè Sông Cầu)	- Chất lượng đất trồng chè thấp	- Hạn chế trong tiếp cận vật tư trả sau vì mức độ tín cậy thấp - Chất lượng đất trồng chè thấp
Ảnh hưởng xã hội	- Điều kiện làm việc vất vả	- Điều kiện làm việc vất vả - Không có lương hưu, Bảo hiểm y tế	- Không có lương hưu - Không bảo hiểm y tế - Không được trợ cấp khi thiên tai	- Không có lương hưu - Không bảo hiểm y tế - Không được trợ cấp khi thiên tai

3.4. Một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia vào chuỗi giá trị ngành chè đối với hộ nghèo

Hỗ trợ phát triển các mối liên kết giữa các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị (cả chiều liên kết dọc và ngang), kết nối nông dân nghèo với chuỗi giá trị chè là vấn đề rất quan trọng. Nếu không, chỉ nông dân và các công nhân nông trường/nông dân hợp đồng mới có thể nắm bắt được cơ hội từ việc mở rộng thị trường chè và giá tăng, vì các nhà chế biến và thu mua thích ký hợp đồng với họ bởi quy mô lớn và chất lượng chè nguyên liệu cao hơn.

Cải tiến kỹ thuật: kết quả nghiên cứu cho thấy, các hộ trồng chè tự do thiếu các kỹ thuật chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Do đó cần tổ chức các lớp đào tạo cho các hộ nghèo, như tập huấn kỹ thuật IPM.

Cải thiện quan hệ về thị trường thông qua việc phát triển các tổ chức: những người nông dân nghèo, đặc biệt nông dân tự do, có thể tham gia nâng đỡ hơn bằng cách khuyến khích thành lập nhóm hay hiệp hội những

người trồng chè nghèo, bằng cách củng cố các hợp tác xã chè đang hoạt động và thành lập thêm một số HTX mới. Các tổ chức như vậy là cơ sở tốt để hỗ trợ vốn nhằm chuyển sang trồng những giống chè có năng suất cao hơn, hỗ trợ tín dụng vốn và đào tạo kỹ thuật. Vấn đề quan trọng là cần phải đẩy mạnh liên kết với các nhà chế biến vừa và nhỏ. Hoạt động khuyến nông của Chính phủ và tư nhân nên trực tiếp tham gia mạnh mẽ vào vấn đề này. Tăng cường phát triển các nhóm tập thể cũng có thể cải thiện khả năng của các hộ sản xuất chè khi tham gia vào các hoạt động khác, như chế biến làm tăng giá trị cho người nghèo. Ngoài ra, các mối quan hệ cần phải được thắt chặt hơn bằng các cơ chế hợp đồng, chặt chẽ và rõ ràng hơn nhằm tạo quan hệ mang tính thị trường bền vững giữa người sản xuất và người mua. Trong đó, cải thiện tính minh bạch của hệ thống thu mua, qua đó, công ty sản xuất đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc cho người trồng chè và người trồng chè có thể áp dụng đúng các tiêu chuẩn này.

Cải thiện cơ sở hạ tầng: nâng cao chất lượng đường giao thông, nhà kho, và phương tiện vận chuyển. Đối với những người trồng chè, thực tế cho thấy, do chè không bảo quản được lâu và hạn chế trong vận chuyển chè nên những người nông dân nghèo có ít điều kiện lựa chọn người mua hay phương thức tiêu thụ chè. Hơn nữa, thay thế các giống cũ bằng giống mới sẽ giúp những người trồng chè cải thiện được năng suất, đầu tư vào thủy lợi sẽ tạo điều kiện cho cách tác chè vào mùa khô.

Tăng cường dịch vụ khuyến nông cho các hộ nhỏ, nhất là kỹ thuật trồng trọt với chi phí thấp nhưng có thể cho giá trị lớn. ở một số vùng, phân bón và thuốc trừ sâu được dùng không có hiệu quả, cần lưu ý giải quyết vấn đề này cũng như vấn đề bảo vệ đất.

Tạo điều kiện cho hộ sản xuất tiếp cận với tín dụng: trực tiếp đưa tín dụng đến với những nông dân nghèo và trong thời gian dài hơn tạo điều kiện cho người nông dân có thể đầu tư vào trồng chè. Tương tự, cấp giấy chứng nhận đất cho các hộ (hoặc giúp hộ sản xuất có thể tiếp cận tín dụng) để họ có thể vay được tiền. Tiếp cận tín dụng tốt hơn có thể giúp nông dân mua thiết bị chế biến loại nhỏ và đây có thể xem như là cách tăng thu nhập cho những người sản xuất ở Thái Nguyên.

Phổ biến thông tin về giá cả và thị trường rộng rãi hơn. Hầu hết người dân mà chúng tôi phỏng vấn chỉ nhận được thông tin thị trường từ nhà máy hoặc người buôn bán. Mở rộng hệ thống thông tin thị trường ở cấp xã để người dân rất dễ tiếp cận là rất quan trọng.

Tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị: các hộ có quy mô lớn có thể có lợi bằng việc cung cấp chè cho các cơ sở chế biến do có những liên kết khác nhau và giúp họ linh hoạt trong việc tiêu thụ sản phẩm. Việc tăng cường liên kết sẽ giúp họ có thể tiếp cận những kênh tiêu thụ ổn định hơn.

4. Kết luận

Khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của ngành chè của nông dân nghèo tự do phụ thuộc rất nhiều vào người thu mua và các đơn vị chế biến tư nhân. Vấn đề đáng lo ngại nhất đối với

những hộ này là họ thiếu kiến thức, dẫn đến lạm dụng phân bón quá mức, trong khi chất lượng chè thấp. Chính điều đó cũng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cộng đồng, chất lượng chè kém sẽ làm giảm thu nhập của người dân. Một thực tế là càng những người nghèo thì càng sống ở xa khu trung tâm và đường giao thông. Do đó, khả năng tiếp cận tới thị trường của họ là có hạn, và họ luôn yếu thế hơn khi mặc cả với thương nhân và luôn đối mặt với sự bất an của thị trường. Những điểm yếu khác của người nông dân trồng chè nghèo, tự do là diện tích đất của họ rất nhỏ, lại thiếu kiến thức và thiếu vốn để đầu tư cho nguyên vật liệu đầu vào, do đó, chất lượng chè của họ luôn ở mức rất thấp.

Nông dân nghèo không liên kết, không có điều kiện cần thiết để hưởng lợi từ việc tham gia chuỗi giá trị chè ngay cả khi mở rộng thị trường có thể mở ra cơ hội cho họ. Vì thế, cần có một chiến lược phát triển bao gồm hai vấn đề: đa dạng hóa thị trường và nâng cao giá trị sản xuất, đồng thời có những chính sách phát triển mối quan hệ tạo ra sự liên kết giữa những hộ sản xuất nghèo. Tăng mức hỗ trợ cho các hộ nông dân trồng chè quy mô nhỏ không liên kết, nghèo là điều quan trọng đối với quyền lợi và nâng cao năng lực thương mại, khả năng thỏa thuận giá cả với các tư thương, các nhà máy./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phùng Văn Chân (1999), *Xu hướng phát triển thị trường chè các tỉnh miền núi phía Bắc*, Viện Kinh tế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
2. Nguyễn Hữu Khải (2005). *Cây chè Việt Nam - Năng lực cạnh tranh và xuất khẩu*, Nxb Lao động-xã hội, Hà Nội.
3. Ngân hàng Phát triển Châu Á (2004), *Thảo luận về phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp: phương pháp luận, ứng dụng và cơ hội*, Hà Nội.
4. Nguyễn Phong Thái (2002). *Giải pháp hội nhập để nâng cao chất lượng chè Việt Nam*, Báo cáo hội thảo Giải pháp nâng cao chất lượng và phát triển thị trường ngành chè Việt Nam ngày 26/12/2002 tại VITAS, Hà Nội.
5. Trần Công Thắng (2004). *Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường cho người nghèo*, ICARD, Hà Nội.
6. World Bank (2004). *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004. Nghèo đói, sự tham gia của các nhà tài trợ*, Hà Nội.